

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quý I năm 2023
của xã Bình Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LỢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 9797/QĐ.UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước- chi ngân sách địa phương đối với các cơ quan, đơn vị trường học, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện năm 2023;

Căn cứ hướng dẫn của phòng Tài chính – Kế hoạch về việc thực hiện công khai quyết toán quý I năm 2023;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã Bình Lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán quý I năm 2023 của xã Bình Lợi (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT,

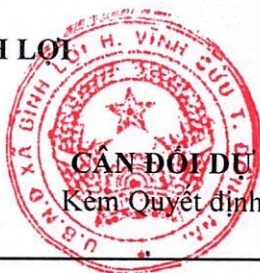
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LỢI
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Vinh

UBND XÃ BÌNH LỘC

Biểu số 113/CK TC-NSNN



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2023

Kèm Quyết định số 52 / UBND ngày 04 tháng 04 năm 2023

Đơn vị: 1000 Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2023	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.046.684.681	2.706.383.297	30
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	50.000.000	12.413.000	25
2	Các khoản thu phân chi theo tỉ lệ (1)	1.383.000.000	199.285.616	14
3	Thu bổ sung	6.823.000.000	1.704.000.000	25
	- Thu bổ sung cân đối	6.823.000.000	1.704.000.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn	790.684.681	790.684.681	
5	Thu từ nguồn CCTL tại đơn vị		0	
II	TỔNG SỐ CHI	8.016.000.000	2.211.811.035	28
1	Chi đầu tư phát triển		0	
2	Chi thường xuyên	8.016.000.000	2.211.811.035	28
3	Dự phòng	240.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

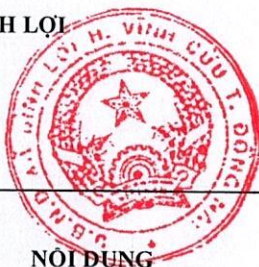


ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

Kèm Quyết định số 52 /UBND ngày 04 tháng 04 năm 2023

Đơn vị: 1000 Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	10.201.684.681	9.946.684.681	2.910.960.402	2.733.035.297	28,53	27
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	250.000.000	250.000.000	42.785.000	42.785.000	17,11	17
	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	12.987.000	12.987.000	43,29	43
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		0	0	0		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		0				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		0				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		0				
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		0	0	0		
	Thu quỹ an ninh quốc phòng		0				
	Thu phí vệ sinh	200.000.000	200.000.000	26.652.000	26.652.000	13,33	13
	Thu cố định		0				
	Thu khác	20.000.000	20.000.000	3.146.000	3.146.000	16%	16%
II	Các khoản thu phân chi theo tỉ lệ	2.338.000.000	2.083.000.000	373.490.721	195.565.616	16%	9
1	Các khoản thu phân chia	1.828.000.000	1.828.000.000	161.648.877	110.447.745	0	0
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	380.000.000	380.000.000	5.246.613	5.246.613	1%	1%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	48.000.000	48.000.000	54.000.000	54.000.000		
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	1.400.000.000	1.400.000.000	102.402.264	51.201.132	7%	4%
	- Phạt vi phạm hành chính về trật tự an ninh quốc phòng						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	510.000.000	255.000.000	211.841.844	85.117.871		
	- Thuế giá trị gia tăng	510.000.000	255.000.000	211.841.844	85.117.871		
	- Thuế chuyển quyền sử dụng đất						
	- Thuế Thu nhập cá nhân						
III	Tạm thu và vay chưa đưa vào cân đối ngân sách				0		
IV	Thu chuyển nguồn	790.684.681	790.684.681	790.684.681	790.684.681	100%	100%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VII	Thu bổ sung NS cấp trên	6.823.000.000	6.823.000.000	1.704.000.000	1.704.000.000	25%	25
	- Thu bổ sung cân đối	6.823.000.000	6.823.000.000	1.704.000.000	1.704.000.000	25%	25
	- Thu bổ sung có mục tiêu		0	0	0		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Kèm Quyết định số 52 / UBND ngày 04 tháng 04 năm 2023

Đơn vị: 1000 Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	8.256.000.000	0	8.256.000.000	2.714.581.145	0	2.211.811.035	33%		33
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	65.000.000		65.000.000	32.392.295		15.469.348	50%		50
2	Chi quốc phòng an ninh	2.253.000.000		2.253.000.000	321.571.008		443.444.760	14%		14
3	Chi văn hóa, thông tin	109.000.000		109.000.000	21.051.208		53.315.686	19%		19
4	Chi phát thanh, truyền thanh	32.000.000		32.000.000			1.593.462	0%		0
5	Chi thể dục thể thao	35.000.000		35.000.000	25.313.000		36.215.000	72%		72
6	Chi bảo vệ môi trường	144.000.000		144.000.000						
7	Chi các hoạt động kinh tế	108.000.000		108.000.000	1.800.000		4.800.000	2%		2
8	Chi các hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.998.000.000		4.998.000.000	2.255.531.634		1.577.830.179	45%		45
9	Chi cho công tác xã hội	262.000.000		262.000.000	56.922.000		79.142.600	22%		22
10	Chi khác	10.000.000		10.000.000	0		0	0%		0
11	Dự phòng ngân sách	240.000.000		240.000.000	0		0			